

Số: 12 /GPMT-STNMT

Nghệ An, ngày 18 tháng 11 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ về lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Tổng công ty 36-CTCP ngày 05 tháng 8 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 1154/TTr-BVMT ngày 18 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Tổng công ty 36-CTCP, địa chỉ tại số 141 Hồ Đắc Di, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu phức hợp kinh doanh thương mại kết hợp nhà ở tại thị trấn Quán Hành, huyện Nghi Lộc với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu phức hợp kinh doanh thương mại kết hợp nhà ở tại thị trấn Quán Hành, huyện Nghi Lộc.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại khối 4, thị trấn Quán Hành, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105454762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/3/2006 và thay đổi lần thứ 24 ngày 14/07/2021.

1.4. Mã số thuế: 0105454762.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: phức hợp kinh doanh thương mại kết hợp nhà ở.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích dự án: 11.512m². ✎

- Quy mô: dự án nhóm B (phân theo tiêu chí quy định của pháp luật đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về quản lý khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng công ty 36-CTCP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Nghi Lộc, UBND thị trấn Quán Hành nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng năm 2022 đến ngày tháng năm 2032).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Tổng công ty 36-CTCP (bản cứng);
- UBND huyện Nghi Lộc;
- Trang thông tin điện tử của Sở TN&MT;
- CCBVMT;
- Lưu: VT, HS. *VT*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thái Văn Nông

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12./GPMT-STNMT ngày 18/ 11/2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải được phát sinh từ 02 nguồn:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở thấp tầng.
- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt từ khu thương mại dịch vụ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước của thị trấn và chảy về nguồn tiếp nhận là mương nội đồng phía Bắc dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải: nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn được đầu nối ra mương thoát nước của thị trấn.

Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X(m) = 2077280$, $Y(m) = 594185$.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $46,14m^3$ /ngày đêm, tương đương $1,9225 m^3$ /giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: cưỡng bức, nước thải sau xử lý được dẫn vào đường ống PVC có đường kính 250 mm, dài 60m sau đó đầu nối ra mương thoát nước của thị trấn và chảy về nguồn tiếp nhận là mương nội đồng phía Bắc dự án.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục, chu kỳ xả thải: 24giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT (giá trị C_{max} , cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép ($C_{max} = CxK$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 – 9		Không
2	BOD ₅	mg/l	50		thuộc

3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	đôi tượng phải thực hiện quan trắc tự động liên tục
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (theo H ₂ S)	mg/l	4.0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải


- Nước thải của khu bếp, tắm giặt, dịch vụ, lau sàn,... từ khu nhà ở thấp tầng và khu thương mại dịch vụ được thu gom qua song chắn rác trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung bố trí dưới tầng 1 của khu thương mại dịch vụ phía Đông Bắc dự án.

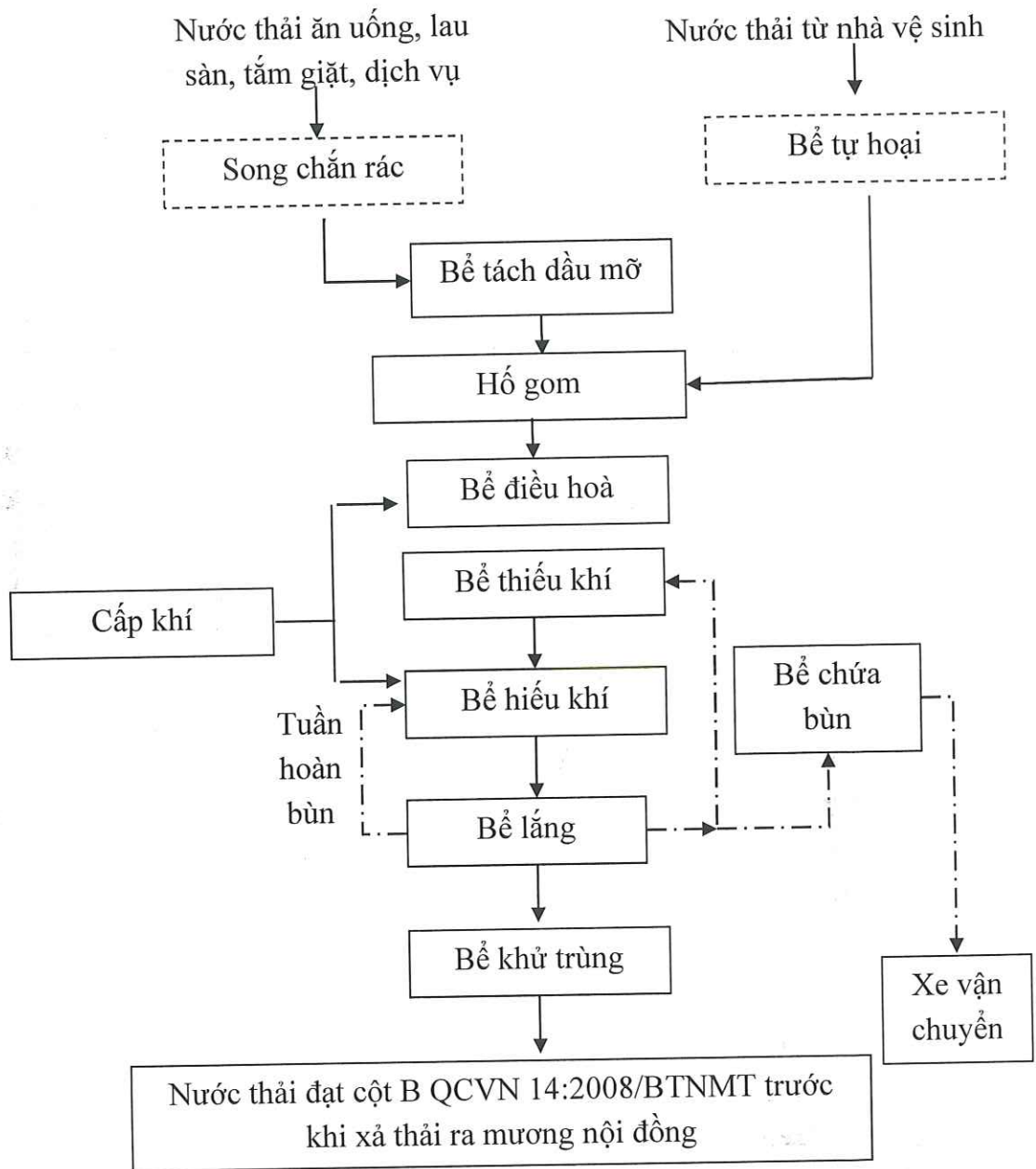
- Nước thải từ thiết bị vệ sinh từ khu nhà ở thấp tầng và khu thương mại dịch vụ được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: hệ thống xử lý nước thải của dự án được sử dụng là hệ thống xử lý sinh học.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ăn uống, lau sàn...được thu gom qua song chắn rác sau đó qua bể tách dầu mỡ; nước thải từ nhà vệ sinh sẽ qua bể tự hoại rồi sau đó chảy về hố gom. Nước thải sau khi qua hố gom sẽ tự chảy vào bể điều hòa (thời gian lưu ít nhất 12 giờ). Nước thải được bơm từ bể điều hòa vào bể thiếu khí Anoxic (thời gian lưu ít nhất 6 giờ), sau đó được chảy sang bể sinh học hiếu khí (thời gian lưu ít nhất 10 giờ). Sau giai đoạn xử lý sinh học hiếu khí, nước thải được đưa chảy tràn qua bể lắng (thời gian lưu ít nhất 3 giờ). Nước từ bể lắng dẫn về bể khử trùng trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Bùn tại các bể được thu gom về bể chứa bùn và xử lý theo quy định. 



Sơ đồ công trình xử lý nước thải

- Công suất thiết kế: $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$;
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: chất khử trùng (chlorine).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Nhằm đảm bảo bể xử lý nước thải hoạt động ổn định cần phải thường xuyên tiến hành công tác bảo dưỡng.

- Thường xuyên kiểm tra rò rỉ, tắc nghẽn hệ thống đường ống dẫn nước.

- Trường hợp hệ thống gặp sự cố cần nhanh chóng khắc phục sự cố để đưa hệ thống xử lý nước thải trở lại hoạt động bình thường và toàn bộ nước thải tạm thời lưu giữ tại hố gom.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 30/9/2023 đến ngày 30/12/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: lấy và phân tích mẫu nước thải đầu vào tại hố gom và nước thải đầu ra tại vị trí xả thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định 03 ngày liên tiếp. Tần suất quan trắc là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 03 mẫu đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường;

- Vận hành công trình xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật; phải có đồng hồ đo lưu lượng nước thải; điểm xả thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

- Trường hợp nếu có sự cố bất thường về công trình xử lý nước thải, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Nghi Lộc, UBND thị trấn Quán Hành. ✕

Phụ lục 2

NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STNMT ngày / /2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

- Đối với bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông
- + Bố trí một cách hợp lý hệ thống cây xanh, thảm cỏ xung quanh Dự án để giảm thiểu khả năng phát tán của bụi và tiếng ồn.
- + Nhân viên hướng dẫn khách hàng vị trí đỗ và dừng xe hợp lý, nhất là các ngày lễ lớn hoặc chương trình khuyến mãi của trung tâm thương mại.
- + Phun ẩm các tuyến đường tiếp giáp với dự án vào các ngày nắng nóng để hạn chế phát sinh bụi.
- Đối với khí thải và mùi ở khu vực nhà bếp: nhà bếp được trang bị thiết bị chụp hút và bộ lọc nhằm khử các chất khí ô nhiễm và khí độc, bố trí ống thoát khí cao nhằm khuếch tán nhanh các khí từ nhà bếp ra môi trường bên ngoài.
- Đối với khí thải của máy phát điện: sử dụng dầu DO có hàm lượng S < 1% để chạy máy phát điện đảm bảo nồng độ khí thải của máy phát điện nằm trong giới hạn cho phép theo quy định; bố trí riêng vị trí đặt máy phát điện dự phòng.
- Đối với mùi phát sinh từ hệ thống thoát nước thải, chất thải rắn sinh hoạt:
 - + Rác thải sinh hoạt được thu gom, để trong kho và hàng ngày vận chuyển theo giờ cố định, không tập trung lâu ngày gây phân hủy làm phát sinh các loại khí thải như CH₄, H₂S, NH₃,... và mùi hôi thối vào môi trường không khí.
 - + Khu tập kết rác thường xuyên được phun khử mùi, thuê đơn vị có chức năng vận chuyển rác 01 ngày/lần.
 - + Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước thải và nắp đậy hố ga, không để các loại khí thải sinh ra từ quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ trong nước thải phát tán vào môi trường không khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thực hiện đầy đủ công trình, biện pháp thu gom khí thải, giảm thiểu mùi theo đúng quy định.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải, gây mùi không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. ✎

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STNMT ngày / /2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn**

Tiếng ồn phát sinh chủ yếu do các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án, các khu dịch vụ, thương mại, hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ cho công trình phụ trợ (máy phát điện...)

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

- Vị trí phát sinh tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X(m) = 2077279$, $Y(m) = 594186$.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn từ các phương tiện giao thông hoạt động trong khu vực dự án không có vị trí cố định.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn**

- Nhân viên bảo vệ hướng dẫn và nhắc nhở người điều khiển phương tiện giao thông giảm tốc độ, không sử dụng còi nhằm giảm tiếng ồn do các phương tiện giao thông gây ra.

- Các hoạt động của khu dịch vụ, nhà hàng không hoạt động từ 22h đến 5h sáng hôm sau, để không ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân trong khu vực.

- Tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên dự án, dự kiến khoảng 4-5 m/cây.

- Sử dụng máy phát điện có độ ồn thấp, sử dụng vật liệu cách âm, chống rung (chân máy gắn thêm đệm cao su chống rung, gắn thêm 1 bộ phận tiêu âm tại bộ phận thải khí,...).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác ✓

- Quá trình vận hành các thiết bị, máy móc phải thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo các thiết bị hoạt động hiệu quả, không gây tiếng ồn;
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi phát sinh tiếng ồn không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. ✕

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STNMT ngày / /2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Hoạt động của dự án phát sinh một số loại chất thải nguy hại như sau:

STT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/tháng)	Mã chất thải
1	Giẻ lau dính dầu	KS	1	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	NH	1	16 01 06
3	Pin, ắc quy thải	NH	2	16 01 12
4	Mực in	KS	2	08 02 01
Tổng			6	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: dự án đi vào hoạt động sẽ phát sinh chất thải sinh hoạt khoảng 2.472 tấn/tháng, tương đương 26.664 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải nguy hại được thu gom và phân loại vào các thùng chứa riêng biệt tương ứng với từng mã chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn đặt trong kho chất thải nguy hại bố trí ở khu hạ tầng kỹ thuật phía Nam dự án.

- Bố trí 04 thùng HDPE được dán nhãn ứng với 4 loại chất thải nguy hại với dung tích 80 lít đặt trong kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 5m².

- Thiết kế cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: kho có kết cấu bằng tôn, có biển báo, mái che, cửa và nền được lát gạch.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa



- Chất thải rắn sinh hoạt không tái chế được thu gom vào 32 thùng riêng biệt có khả năng lưu chứa 60l, có lót túi và có màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phân loại chất thải rắn tại nguồn, dán nhãn và được bố trí tại hành lang các tầng của trung tâm thương mại và trước các dãy nhà của các khu liền kề. Hàng ngày, chất thải rắn sinh hoạt không tái chế được chuyển về 1 thùng riêng biệt có dung tích 360l tại kho chất thải rắn sinh hoạt bố trí tại khu vực hạ tầng kỹ thuật phía Nam khu vực dự án để đơn vị thu gom rác của thị trấn thu gom, vận chuyển đổ thải đúng quy định.

- Chất thải rắn thải hữu cơ được thu gom vào 32 thùng riêng biệt có khả năng lưu chứa 60l, có lót túi và có màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phân loại chất thải rắn tại nguồn, dán nhãn và được bố trí tại hành lang các tầng của trung tâm thương mại và trước các dãy nhà của các khu liền kề. Hàng ngày, chất thải rắn hữu cơ được thu gom chuyển về 1 thùng riêng biệt có dung tích 360l tại kho chất thải rắn sinh hoạt bố trí tại khu vực hạ tầng kỹ thuật phía Nam khu vực dự án và tận dụng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm.

- Chất thải rắn sinh hoạt tái chế được thu gom, lưu vào 32 thùng riêng biệt có khả năng lưu chứa 30l, có lót túi màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phân loại chất thải rắn tại nguồn, dán nhãn và được bố trí tại các tầng của trung tâm thương mại và trước các dãy nhà của các khu liền kề. Hàng ngày, chất thải rắn tái chế đựng trong túi được nhân viên vệ sinh chuyển về kho lưu giữ và định kỳ 01 tháng/01 lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

Tại khu tập kết rác bố trí mỗi bên 03 thùng HDPE phân loại rác dung tích 360l có dán nhãn.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích khu vực lưu chứa: 20m².

- Thiết kế cấu tạo của kho lưu chứa: kho có kết cấu bằng tôn, có biển báo, mái che, cửa và nền đổ bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng quy trình vận hành, quản lý hệ thống các công trình xử lý chất thải (nước thải, chất thải rắn); vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình xử lý chất thải, kịp thời phát hiện và khắc phục khi sự cố xảy ra;

- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân, cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải, thu gom, quản lý chất thải rắn;

- Lắp đặt, trang bị hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị. Xây dựng phương án ứng phó và phối hợp với cảnh sát phòng cháy chữa cháy khu vực để kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra./. ✍